

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2024/DS-ST**  
Ngày: 04-9-2024  
*v/v tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Nam.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đoàn Tấn Tiên.
2. Ông Trần Hữu Thiện.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐST-DS ngày 29-7-2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST-DS ngày 16-8-2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1962. (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1977. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà B đường N, khu phố A, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1960. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà E, đường F, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà D, khu phố C, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3/ Ông Nguyễn Cao Anh D, sinh năm 1967. (có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

4/ Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1958. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà E, tổ F, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1968. (có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi ĐKKTT: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

6/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

7/ Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Cha, mẹ của bà là cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1930 (chết năm 2009) và cụ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1937 (chết năm 2022) có 09 người con, cụ thể như sau:

1/ Ông Nguyễn Văn D1.

2/ Bà Nguyễn Hoàng O.

3/ Bà Nguyễn Thị Thu H.

4/ Ông Nguyễn Cao Anh D.

5/ Ông Nguyễn Văn H2.

6/ Bà Nguyễn Thị H1.

7/ Anh Nguyễn Thanh B.

8/ Anh Nguyễn Văn A.

9/ Anh Nguyễn Văn P. (hiện đã được Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2024/QĐST-DS ngày 16-01-2024)

Ngoài những người con trên thì cha mẹ bà không còn người con riêng hay con

nuôi nào khác.

Trước đây cha mẹ bà chung sống với nhau có với nhau 09 người con. Nhưng sau đó ly hôn và tự chia tài sản chung với nhau, cụ H3 được đứng tên sở hữu đối với phần đất có diện tích 5.300m<sup>2</sup> thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 20 và thửa đất có diện tích 655m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 492, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng. 02 phần đất này là tài sản của riêng cụ H3, không phải là tài sản chung của cụ H3 và cụ C. Sau khi cụ H3 chết thì không để lại di chúc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thất lạc mất bản chính. Các anh chị em đã tiến hành làm thủ tục đơn có mất để xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà tầng cấp 4 là nhà thờ do cụ H3 xây dựng trước khi chết. Khi còn sống thì cụ H3 ở tại căn nhà trên cho đến khi chết. Ngoài ra cụ H3 không còn tài sản nào khác. Ngoài căn nhà thờ thì hiện nay trên đất chỉ có 01 căn nhà cấp 4 do em của bà là Nguyễn Thanh B xây dựng, đây là căn nhà của B xây dựng trên phần đất mà cụ H3 chia cho trước đây nhưng hiện chưa làm thủ tục tách thửa nên bà không tranh chấp đối với căn nhà này.

Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 5.300m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 5.081,9m<sup>2</sup>) thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 20; thửa đất có diện tích 655m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 538,7m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 492, tờ bản đồ số 20 và 01 căn nhà thờ trên đất (có diện tích là 242m<sup>2</sup>) cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì bà không có ý kiến. Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất, hiện trạng đất và các anh chị em muốn thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó bà đề nghị chia di sản thừa kế như sau:

- Đối với phần đất có diện tích 655m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 538,7m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa 492, tờ bản đồ số 20) thì giao cho bà Nguyễn Hoàng O được hưởng, trên đất không có tài sản.

- Đối với phần đất có diện tích 5.300m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 5.081,9m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ONT + 4781,9m<sup>2</sup> đất CLN) thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) bà đề nghị chia như sau:

\* Anh Nguyễn Thanh B được hưởng phần đất có diện tích 734,8m<sup>2</sup>, chiều ngang mặt tiền và mặt hậu là 15m x chiều dài 1 cạnh là 50,18m, 1 cạnh là 48,14m, trên đất có căn nhà cấp 4 do anh B xây dựng. Gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 674,8m<sup>2</sup> CLN.

\* Bà Nguyễn Thị H1 được hưởng phần đất có chiều ngang mặt tiền và mặt hậu là 9,5m x chiều dài 1 cạnh là 33,14m, 1 cạnh là 31,6m. Gồm 60m<sup>2</sup> đất ONT + 246,5m<sup>2</sup> CLN.

\* Ông Nguyễn Văn D1 được hưởng phần đất có chiều ngang mặt tiền và mặt

hậu là 10m x chiều dài 1 cạnh là 29,98m, 1 cạnh là 31,6m. Gồm 60m<sup>2</sup> đất ONT + 246,9m<sup>2</sup> CLN.

\* Bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng phần đất có chiều ngang mặt tiền và mặt hậu là 10,5m x chiều dài 1 cạnh là 29,98m, 1 cạnh là 27,69m. Gồm 60m<sup>2</sup> đất ONT + 241,8m<sup>2</sup> CLN.

\* Ông Nguyễn Văn H2 được hưởng phần đất có chiều ngang mặt tiền là 4,65m, 11,15m, 8,36m, 9,78m, 1,39m x chiều dài cạnh hậu là 19,48m, 1 cạnh là 27,69m. Gồm 60m<sup>2</sup> đất ONT + 330,2m<sup>2</sup> CLN.

\* Anh Nguyễn Văn P được hưởng phần đất 1000m<sup>2</sup> CLN có chiều ngang mặt tiền là 19,07m x chiều ngang mặt hậu là 20m x chiều dài 1 cạnh là 50,18m, 1 cạnh là 57,09m. Trong đó có căn cấp 4, mái che, nhà vệ sinh. Do anh P là người con út vì vậy đề nghị Tòa án cho anh P được hưởng phần đất có căn nhà thờ để thuận tiện cho việc thờ cúng sau này khi anh P trở về. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng thì bà đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật.

\* Anh Nguyễn Văn A được hưởng phần đất còn lại có diện tích 2041,9m<sup>2</sup> CLN.

Kèm theo sơ đồ bản vẽ vị trí từng thửa đất.

Đối với các tài sản khác trên đất thì bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:*

Anh thống nhất với những lời trình bày trên của chị ruột anh là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày. Anh xác định di sản thừa kế do mẹ của anh để lại gồm phần đất có diện tích 5.300m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 5.081,9m<sup>2</sup>) thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 20; thửa đất có diện tích 655m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 538,7m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 492, tờ bản đồ số 20 và 01 căn nhà thờ trên đất (có diện tích là 242m<sup>2</sup>). Trước đây anh không muốn chia di sản thừa kế trên vì anh mong muốn chờ anh Nguyễn Văn P trở về để các anh chị em tự thỏa thuận với nhau, tuy nhiên từ khi ông P mất tích cho đến nay thì vẫn chưa trở về. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì bà H thì anh có ý kiến như sau: Anh yêu cầu chia di sản thừa kế thành 08 phần cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì anh không có ý kiến. Đối với căn nhà cấp 4 do anh Nguyễn Thành B1 xây dựng trên đất là tài sản của anh B1 xây dựng trên phần đất được chia cho trước đây nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, căn nhà do anh B1 xây dựng không phải là di sản thừa kế nên anh không tranh chấp đối với căn nhà này. Ngoài ra anh không tranh chấp đối với những tài sản khác trên đất. Đối với đề nghị về cách chia di sản thừa kế của bà H thì anh thống nhất vì phù hợp

với mong muốn của các anh chị em và vẫn đảm bảo quyền lợi của anh Nguyễn Văn P. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng thì anh thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Ông thống nhất với những lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ ông. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì ông có ý kiến như sau: Ông thống nhất chia di sản thừa kế thành 08 phần theo cách chia mà bà H đề nghị cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì ông không có ý kiến. Đối với căn nhà cấp 4 do anh Nguyễn Thành B1 xây dựng trên đất là tài sản của anh B1 xây dựng trên phần đất được chia cho trước đây nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, căn nhà do anh B1 xây dựng không phải là di sản thừa kế nên ông không tranh chấp đối với căn nhà này. Ngoài ra ông không tranh chấp đối với những tài sản khác trên đất. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng thì ông đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D1 trình bày:*

Ông thống nhất với những lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ ông. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì ông có ý kiến như sau: Ông thống nhất chia di sản thừa kế thành 08 phần theo cách chia mà bà H đề nghị cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì ông không có ý kiến. Đối với căn nhà cấp 4 do anh Nguyễn Thành B1 xây dựng trên đất là tài sản của anh B1 xây dựng trên phần đất được chia cho trước đây nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, căn nhà do anh B1 xây dựng không phải là di sản thừa kế nên ông không tranh chấp đối với căn nhà này. Ngoài ra ông không tranh chấp đối với những tài sản khác trên đất. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng thì ông đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng O trình bày:*

Bà thống nhất với những lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H3. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì bà có ý kiến như sau: Bà thống nhất chia di sản thừa kế thành 08 phần theo cách chia mà bà H đề nghị cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P,

Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì bà không có ý kiến. Đối với căn nhà cấp 4 do anh Nguyễn Thành B1 xây dựng trên đất là tài sản của anh B1 xây dựng trên phần đất được chia cho trước đây nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, căn nhà do anh B1 xây dựng không phải là di sản thừa kế nên bà không tranh chấp đối với căn nhà này. Ngoài ra bà không tranh chấp đối với những tài sản khác trên đất. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng thì bà đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Bà thống nhất với những lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H3. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì bà có ý kiến như sau: Bà thống nhất chia di sản thừa kế thành 08 phần theo cách chia mà bà H đề nghị cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì bà không có ý kiến. Đối với căn nhà cấp 4 do anh Nguyễn Thành B1 xây dựng trên đất là tài sản của anh B1 xây dựng trên phần đất được chia cho trước đây nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, căn nhà do anh B1 xây dựng không phải là di sản thừa kế nên bà không tranh chấp đối với căn nhà này. Ngoài ra bà không tranh chấp đối với những tài sản khác trên đất. Đối với đề nghị về việc bà sẽ là người quản lý phần di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn P cho đến khi anh P trở về thì bà đồng ý, bà cam kết sẽ thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bà theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh B trình bày:*

Anh thống nhất với những lời trình bày trên của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ anh. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì anh có ý kiến như sau: Anh thống nhất chia di sản thừa kế thành 08 phần theo cách chia mà bà H đề nghị cho những người thừa kế gồm Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A, Nguyễn Hoàng O. Đối với Nguyễn Cao Anh D thì trước đây đã được mẹ chia tài sản khác nên ông D từ chối nhận di sản đối với 02 phần đất này thì anh không có ý kiến. Đối với căn nhà cấp 4 do anh xây dựng trên đất là tài sản của anh xây dựng trên phần đất được chia cho trước đây nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, căn nhà do anh xây dựng không phải là di sản thừa kế nên anh đề nghị không xem xét giải quyết trong vụ án. Ngoài ra anh không tranh chấp đối với những tài sản khác trên đất. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng thì anh đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao Anh D trình bày:*

Ông thống nhất với những lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu H trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ ông. Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì ông không có ý kiến phản đối, vì trước đây ông đã được mẹ chia cho phần đất khác nên đối với 02 phần đất tranh chấp trên thì ông từ chối nhận di sản. 02 phần đất trên sẽ được chia cho những người thừa kế còn lại. Ông đề nghị không chia phần di sản trên cho ông. Đối với phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật thì ông không có ý kiến phản đối.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P đã được tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2024/QĐST-VDS ngày 16-01-2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia tại Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 623, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H với bị đơn anh Nguyễn Văn A về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H3 để lại theo đề nghị thống nhất của các đương sự. Bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm quản lý phần di sản thừa kế của anh Nguyễn Văn P cho đến khi anh P trở về theo quy định của pháp luật. Ghi nhận ông Nguyễn Cao Anh D từ chối nhận di sản. Về án phí dân sự sơ thẩm thì các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do mẹ của bà là cụ Nguyễn Thị H3 để lại, do đó đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đối tượng tranh chấp là các phần đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị H3 chết ngày 24-7-2022 do đó căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao Anh D và ông Nguyễn Văn H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia tại Tòa án. Do đó căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H2, ông D và anh P.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về người thừa kế của cụ Nguyễn Thị H3, xét thấy: Căn cứ vào tờ khai quan hệ thừa kế và lời trình bày thống nhất của các đương sự thì cụ H3 có chồng là cụ Nguyễn Văn C (chết ngày 13-3-2009), cụ H3 và cụ C có 09 người con gồm ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Hoàng O, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Cao Anh D, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh B, anh Nguyễn Văn A, anh Nguyễn Văn P. Ngoài những người con trên thì hai cụ không còn con riêng hay con nuôi nào khác. Căn cứ vào Điều 613 và điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H3 gồm ông D1, bà O, bà H, ông D, ông H2, bà H1, anh B, anh A, anh P.

[3.2] Về di sản thừa kế yêu cầu giải quyết trong vụ án gồm:

- Phần đất có diện tích 655m<sup>2</sup> CLN (diện tích sau khi đo đạc là 538,7m<sup>2</sup> CLN), thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa 492, tờ bản đồ số 20), hiện trạng trên đất không có tài sản, đất trống.

- Phần đất có diện tích 5.300m<sup>2</sup> (diện tích sau khi đo đạc là 5.081,9m<sup>2</sup> gồm 300m<sup>2</sup> đất ONT + 4781,9m<sup>2</sup> đất CLN) thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20). Hiện trạng trên đất có 01 căn nhà gạch (nhà thờ) có mái che, nhà vệ sinh; 01 căn nhà gạch (nhà cấp 4) có mái che; 01 nhà tạm. Các đương sự xác định căn nhà gạch (nhà cấp 4) và nhà tạm là do anh Nguyễn Thanh B xây dựng và là tài sản của anh B nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với căn nhà gạch là nhà thờ do cụ H3 xây dựng trước khi chết, vì vậy các đương sự xác định đây là di sản thừa kế nên yêu cầu Tòa án giải quyết. Giá trị của các di sản thừa kế là: Phần đất tranh chấp có giá trị 450.000 đồng/m<sup>2</sup> đất CLN, 1.409.000 đồng/m<sup>2</sup> đất ONT; căn nhà thờ và mái che có giá trị là 350.000.000 đồng.

Các đương sự đều xác định nguồn gốc của những di sản thừa kế trên là của riêng cụ H3, trước đây khi cụ H3 và cụ C chung sống với nhau nhưng sau đó ly hôn thì cụ H3 tạo lập được những tài sản trên và được đứng tên trên giấy chứng nhận



quyền sử dụng đất.

[3.3] Về xác định các phần thừa kế được chia: Cụ Nguyễn Thị H3 chết không để lại di chúc nên căn cứ vào các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự thì di sản thừa kế của cụ H3 được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất tại mục [3.1]. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Cao Anh D có ý kiến và đơn đề nghị từ chối nhận di sản. Xét thấy, việc từ chối nhận di sản của ông D là tự nguyện, các đương sự không có ý kiến phản đối. Do đó căn cứ Điều 620 của Bộ luật Dân sự thì Hội đồng xét xử ghi nhận đề nghị của ông D. Như vậy, những người được hưởng di sản thừa kế của cụ H3 trong vụ án gồm ông D1, bà O, bà H, ông H2, bà H1, anh B, anh A, anh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự đề nghị chia các di sản thừa kế như sau:

+ Bà O được hưởng phần đất có diện tích sau khi đo đạc là 538,7m<sup>2</sup> CLN, thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa 492, tờ bản đồ số 20).

+ Đối với phần đất có diện tích sau khi đo đạc là 5.081,9m<sup>2</sup> (gồm 300m<sup>2</sup> đất ONT + 4781,9m<sup>2</sup> đất CLN) thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) thì ông H2 được hưởng một phần có diện tích 390,2m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 330,2m<sup>2</sup> CLN); bà H được hưởng một phần có diện tích 301,8m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 241,8m<sup>2</sup> CLN); ông D1 được hưởng một phần có diện tích 306,9m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 246,9m<sup>2</sup> CLN); bà H1 được hưởng một phần có diện tích 306,5m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 246,5m<sup>2</sup> CLN); anh B được hưởng một phần có diện tích 734,8m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 674,8m<sup>2</sup> CLN); anh P được hưởng một phần có diện tích 1.000m<sup>2</sup> CLN, trên đất có căn nhà thờ; anh A được hưởng một phần có diện tích 2041,9m<sup>2</sup> CLN.

Xét đề nghị chia di sản thừa kế của các đương sự, thấy rằng tổng giá trị của các di sản thừa kế là: (300m<sup>2</sup> đất ONT x 1.409.000 đồng/m<sup>2</sup>) + giá trị căn nhà thờ và mái che 350.000.000 đồng + (5.320,6m<sup>2</sup> đất CLN x 450.000 đồng/m<sup>2</sup>) = 3.166.970.000 đồng. Như vậy trong trường hợp chia theo pháp luật cho những người hưởng thừa kế được hưởng thì mỗi kỹ phần thừa kế sẽ có giá trị là 395.871.250 đồng (3.166.970.000 đồng : 8 người). Theo đó kỹ phần thừa kế mà các đương sự đề nghị cho anh Nguyễn Văn P được hưởng gồm phần đất có diện tích 1.000m<sup>2</sup> đất CLN và 01 căn nhà thờ, có giá trị tổng cộng là 800.000.000 đồng (1.000m<sup>2</sup> x 450.000 đồng/m<sup>2</sup> + 350.000.000 đồng) nghĩa là nhiều hơn so với giá trị một kỹ phần nếu được chia theo pháp luật. Đối với giá trị các kỹ phần khác của những người được hưởng thừa kế còn lại đề nghị được nhận thì có kỹ phần nhiều hơn hoặc ít hơn so với giá trị của kỹ phần thừa kế nếu chia theo pháp luật. Tuy nhiên ông D1, bà O, bà H, ông H2, bà H1, anh B, anh A đều tự nguyện được nhận, không có ý kiến phản đối. Mặc dù anh P hiện đang mất tích nhưng các đương sự mong muốn anh P được hưởng phần đất có căn nhà thờ vì anh P là con út trong gia đình và để thuận tiện cho việc thờ cúng khi anh P trở về. Căn cứ Điều 220 của Luật

Đất đai; quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 26-4-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh T thì 02 phần đất di sản thừa kế đủ điều kiện được tách thửa, đồng thời phần đất di sản mà các đương sự đề nghị được hưởng đảm bảo diện tích tối thiểu khi hình thành thửa đất mới và các điều kiện khác. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị thống nhất của các đương sự về cách chia di sản thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh P là người thừa kế bị mất tích, do đó di sản thừa kế sẽ được chia theo ý kiến đề nghị của các đương sự.

Các đương sự thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị H1 quản lý phần di sản mà anh P được hưởng là phù hợp với quy định tại Điều 69 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chi phí tố tụng tổng cộng là 44.700.000 đồng. Các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, 14, 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì mỗi đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn H2 được hưởng phần đất 390,2m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 330,2m<sup>2</sup> CLN) có giá trị là 233.130.000 đồng. Án phí phải chịu là 11.656.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H1 được hưởng phần đất 306,5m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 246,5m<sup>2</sup> CLN) có giá trị là 195.465.000 đồng. Án phí phải chịu là 9.773.250 đồng.

- Anh Nguyễn Thanh B được hưởng phần đất 734,8m<sup>2</sup> (gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 674,8m<sup>2</sup> CLN) có giá trị là 303.744.540 đồng. Án phí phải chịu là 15.187.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn P được hưởng phần đất 1.000m<sup>2</sup> CLN và căn nhà thờ có giá trị tổng cộng là 800.000.000 đồng. Án phí phải chịu là 36.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn A được hưởng phần đất 2.041,9m<sup>2</sup> CLN có giá trị là 918.855.000 đồng. Án phí phải chịu là 39.565.650 đồng.

- Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Hoàng O, bà Nguyễn Thị Thu H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 69, 609, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 220 của Luật Đất đai.

Căn cứ vào Điều 12, 14, 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H với bị đơn anh Nguyễn Văn A về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Di sản thừa kế được chia như sau:

- Ông Nguyễn Văn H2 được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 390,2m<sup>2</sup> (trong đó bao gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 330,2m<sup>2</sup> CLN) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng) dài 27,69m.

+ Tây và N giáp đường cơ giới dài 4,65m + 11,15m + 8,36m + 9,78m + 1,39m.

+ Bắc giáp thửa 1005 dài 19,48m.

- Bà Nguyễn Thị Thu H được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 301,8m<sup>2</sup> (trong đó bao gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 241,8m<sup>2</sup> CLN) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất ông Nguyễn Văn D1 được hưởng) dài 29,98m.

+ Tây giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất ông Nguyễn Văn H2 được hưởng) dài 27,69m.

+ Nam giáp đường cơ giới dài 6,57m + 3,93m.

+ Bắc giáp thửa 1005 dài 10,5m.

- Ông Nguyễn Văn D1 được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 306,9m<sup>2</sup> (trong đó bao gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 246,9m<sup>2</sup> CLN) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây

Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất bà Nguyễn Thị H1 được hưởng) dài 31,60m.

+ Tây giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng) dài 29,98m.

+ Nam giáp đường cơ giới dài 10m.

+ Bắc giáp thửa 1005 dài 10m.

- Bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 306,5m<sup>2</sup> (trong đó bao gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 246,5m<sup>2</sup> CLN) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất anh Nguyễn Thanh B được hưởng) dài 33,14m.

+ Tây giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất ông Nguyễn Văn D1 được hưởng) dài 31,60m.

+ Nam giáp đường cơ giới dài 9,5m.

+ Bắc giáp thửa 1005 dài 9,5m.

- Anh Nguyễn Thanh B được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 734,8m<sup>2</sup> (trong đó bao gồm 60m<sup>2</sup> ONT + 674,8m<sup>2</sup> CLN) thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng) dài 50,18m.

+ Tây giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất bà Nguyễn Thị H1 được hưởng) và thửa 1005 dài 33,14m + 15m.

+ Nam giáp đường cơ giới dài 15m.

+ Bắc giáp thửa 426 dài 15m.

- Anh Nguyễn Văn P được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 1.000m<sup>2</sup> CLN thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị

H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất anh Nguyễn Văn A được hưởng) dài 57,09m.

+ Tây giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất anh Nguyễn Thanh B được hưởng) dài 50,18m.

+ Nam giáp đường cơ giới dài 7,75m + 11,32m.

+ Bắc giáp thửa 426 dài 20m.

Anh Nguyễn Văn P được quyền sử dụng tài sản trên đất là căn nhà gạch (nhà thờ) có diện tích 242m<sup>2</sup> (kết cấu: Tường gạch dán gạch men, mái tôn, trần la phong, nền gạch men, cửa sắt, nhà vệ sinh bên ngoài), mái che có diện tích 120m<sup>2</sup> (kết cấu: mái tole, khung sắt tiền chế, cột sắt).

Bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm quản lý những tài sản của anh Nguyễn Văn P được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn A được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 2.041,9m<sup>2</sup> CLN thuộc một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 376, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04731 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-11-2007 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp các thửa 650, 751, 992, 632 dài 27,66m + 15,53m + 35,32m.

+ Tây giáp phần còn lại của thửa 19 (phần đất anh Nguyễn Văn P được hưởng) dài 57,09m.

+ Nam giáp đường cơ giới dài 4,18m + 7,54m + 1,25m.

+ Bắc giáp thửa 426 dài 37,46m.

- Bà Nguyễn Hoàng O được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 538,7m<sup>2</sup> CLN thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 56 (trước đây là thửa số 492, tờ bản đồ số 20) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH00887 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27-01-2011 cho bà Nguyễn Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Đông và N giáp thửa 45 dài 4,83m + 5,29m + 29,08m.

+ Tây giáp thửa 411 dài 27,17m.

+ Bắc giáp đường cơ giới dài 18,98m + 11,98m.

*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo (Sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án được vẽ dựa trên Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 409/2024/SĐHT/CTY của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V).*

- Các đương sự được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền về đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai và quyết định của bản án này.

2/ Về chi phí tố tụng: Ghi nhận các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 11.656.500 (Mười một triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 9.773.250 (Chín triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Thanh B phải chịu 15.187.000 (Mười lăm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn A phải chịu 39.565.650 (Ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi) đồng.

- Ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Hoàng O, bà Nguyễn Thị Thu H thuộc trường hợp được miễn án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu.

**Lê Hoàng Nam**